

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25-11-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thêu.

2. Bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Thanh T** - Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn TL, xã ĐM, huyện TH, tỉnh Thái Bình.

*** Bị đơn:** Chị **Trần Thị Thanh T1** - Sinh năm 1985.

ĐKKH: Tổ X, phường HD, thành phố TB, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Block A Flat K Jelutong J H B P, Penang, Ma-lai-xi-a.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông **Trần Văn M** - Sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ Y (nay là tổ X), phường HD, thành phố TB, tỉnh Thái Bình.

(Anh T, chị T1, ông M có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn; Bản tự khai, Đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt; Nguyên đơn - anh Nguyễn Thanh T trình bày:* Anh và chị Trần Thị Thanh T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HD, thành phố TB, tỉnh Thái Bình ngày 01/9/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2013 chị T1 đi xuất khẩu lao động tại Ma-lai-xi-a, vợ chồng không liên lạc, quan tâm đến nhau và sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị Thanh T1.

Anh và chị Trần Thị Thanh T1 có 01 con chung là Nguyễn Anh Tuấn K, sinh ngày 03/12/2009. Hiện nay con chung đang ở với anh, ly hôn, anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng.

Anh và chị Trần Thị Thanh T1 không có tài sản chung và vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc, anh không thể tham gia tố tụng tại Tòa án, anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Tại bản tự khai; Đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn - chị Trần Thị Thanh T1 trình bày:* Chị và anh Nguyễn Thanh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HD, thành phố TB, tỉnh Thái Bình ngày 01/9/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cách sống của hai bên không hòa hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm bất đồng quan điểm sống. Nay anh T xin ly hôn, chị đồng ý.

Chị và anh Nguyễn Thanh T có 01 con chung là Nguyễn Anh Tuấn K, sinh ngày 03/12/2009. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị và anh Nguyễn Thanh T không có tài sản chung và vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị đang sinh sống và làm việc tại Ma-lai-xi-a nên chị không thể về Việt Nam tham gia tố tụng tại Tòa án, chị có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Trường hợp Tòa án chấp nhận cho chị được nuôi con chung chị ủy quyền cho ông Trần Văn M (bố chị) nuôi con giúp trong thời gian chị lao động làm ăn ở nước ngoài và ủy quyền cho ông M nhận văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị.

** Tại đơn trình bày; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Trần Văn M trình bày:* Ông là bố đẻ của chị Trần Thị Thanh T1, nay anh T xin ly hôn chị T1, chị T1 có văn bản gửi về đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T và chị T1 được ly hôn. Anh T và chị T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh Tuấn K, sinh ngày 03/12/2009. Hiện nay cháu K đang ở với anh T. Ly hôn, chị T1 đề nghị

được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị T1. Trường hợp Tòa án giao cho chị Thuỷ nuôi dưỡng con chung nhưng hiện nay chị T1 đang sinh sống và làm việc tại Ma-lai-xi-a không thể trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Anh Tuấn K được, chị T1 ủy quyền cho ông nuôi giúp cháu Nguyễn Anh Tuấn K trong thời gian chị T1 lao động ở nước ngoài đến khi chị T1 về nước, ông đồng ý. Việc cấp dưỡng nuôi cháu K giữa ông và chị T1 hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông đồng ý nhận ủy quyền của chị T1, giao nhận các tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết giao văn bản tố tụng của Tòa án cho chị T1.

Vì lý do công việc ông không thể tham gia tố tụng tại Tòa án, ông có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình kết luận quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn chị Trần Thị Thanh T1.

- Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Anh Tuấn K, sinh ngày 03/12/2009. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* **Về tố tụng:** Anh Nguyễn Thanh T, chị Trần Thị Thanh T1 và ông Trần Văn M có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T và chị Trần Thị Thanh T1 kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HD, thành phố TB, tỉnh Thái Bình ngày 01/9/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cách sống của hai bên không hòa hợp. Năm 2013, chị T1 đi lao động tại Ma-lai-xi-a vợ chồng sống

ly thân tự lo liệu cuộc sống riêng không quan tâm đến nhau. Nay anh T xin ly hôn, chị T1 đồng ý thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn chị Trần Thị Thanh T1 là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Thanh T và chị Trần Thị Thanh T1 có 01 con chung là Nguyễn Anh Tuấn K, sinh ngày 03/12/2009. Ly hôn, anh T và chị T1 đều đề nghị được nuôi con chung. Tuy nhiên, hiện nay chị T1 đang lao động ở nước ngoài, chị không thể trực tiếp nuôi con được mà phải ủy quyền cho bố chị nuôi con giúp, trong khi đó anh T đang nuôi dưỡng con chung và bản thân anh T có việc làm, chỗ ở, thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con, cháu Nguyễn Anh Tuấn K cũng có đơn xin ở với bố vì vậy việc giao con chung cho anh T nuôi dưỡng sẽ thuận lợi và đảm bảo quyền lợi cho cháu K hơn, do đó căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Anh Tuấn K là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Thanh T và chị Trần Thị Thanh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn chị Trần Thị Thanh T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Anh Tuấn K, sinh ngày 03/12/2009. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Nguyễn Thanh T nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005449 ngày 06/10/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh Nguyễn Thanh T, chị Trần Thị Thanh T1, ông Trần Văn M. Anh T, ông M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND phường HD, tp.Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Thị Phương Thảo